

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01-06-2026
V/v: Ly hôn giữa bà Hà và ông
Phương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Trần Khánh Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 07 tháng 03 năm 1980; số căn cước công dân: 036180003648; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn P, sinh ngày 03 tháng 06 năm 1977; số căn cước công dân: 036077003676; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H có mặt. Ông Nguyễn Văn P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường N cũ (nay là phường N), tỉnh Ninh Bình ngày 09-03-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng giữa năm 2015 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hoà hợp, bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra va chạm cãi vã. Vợ chồng có hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, gay gắt nên không còn quan tâm đến nhau đã nhiều năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị Thu H xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu H1, sinh ngày 27-04-2000 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13-09-2001 (Giới tính: Nam). Cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Hoàng Thị Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập tham gia tố tụng đối với việc bà Hoàng Thị Thu H xin ly hôn nhưng ông P không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ của Toà án, chính quyền địa phương nơi ở hiện tại của bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P xác nhận: Bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P hiện cư trú tại số A đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Thu H1 và Nguyễn Văn D, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi. Quá trình chung sống giữa bà H và ông P có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông P thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên toà có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là ông Nguyễn Văn P chưa tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa bà Hoàng Thị Thu H với ông Nguyễn Văn P. Cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có lời khai nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Thu H có mặt. Ông Nguyễn Văn P đã được tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 09-03-1999 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N cũ (nay là phường N), tỉnh Ninh Bình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nảy sinh nhiều bất đồng, quan điểm hai bên không hoà hợp, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do không hòa giải được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng ông P không có mặt, bà H giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với ông P. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thu H1, sinh ngày 27-04-2000 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13-09-2001 (Giới tính: Nam). Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Hoàng Thị Thu H không yêu cầu, ông Nguyễn Văn P không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu H phải nộp toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Hoàng Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Hoàng Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hoàng Thị Thu H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 2771 ngày 03 tháng 04 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Bà Hoàng Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7-Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND p. Nam Định, tỉnh Ninh Bình (cũ là phường Năng Tĩnh, tp. Nam Định, tỉnh Nam Định);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Lương Việt Bằng